

Đồng Thịnh, ngày 10 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/TT-BGDĐT

Ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Mầm non Hoàng Nam

2. Địa chỉ trụ sở

Địa chỉ: Xóm Bình Thịnh, xã Đồng Thịnh, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 0834176603

Email : Toanhoangnam@gmail.com

Website: <https://mnhoangnam.ninhbinh.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục

Trường Mầm non công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

a. Sứ mạng:

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn – là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

b. Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

c. Mục tiêu:

Xây dựng môi trường giáo dục toàn diện, rèn cho trẻ tính mạnh dạn, tự tin, chủ động tích cực trong mọi hoạt động, trong đó đề cao sự phát triển khả năng của cá nhân mỗi trẻ

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo, chuẩn bị các điều kiện phổ cập trẻ mẫu giáo năm 2030. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Nhân dân Hoàng Nam có truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo. Ngành giáo dục của Hoàng Nam xã Đồng Thịnh với 1 trường THCS, 1 trường Tiểu học và 1 trường mầm non luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương các cấp, các ngành luôn tạo điều kiện cho các cấp học hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Trường mầm non Hoàng Nam được thành lập năm 1994. Trường được phân bổ các nhóm lớp nằm rải rác theo thôn đội trên địa bàn xã. Đến tháng 9/2009 được UBND xã Hoàng Nam khởi công xây dựng với 2 khu trường Mầm non A&B được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 8/2012 cho đến nay, với 16 phòng học nhà trẻ, mẫu giáo và hệ thống các phòng chức năng, các công trình phụ trợ khác đảm bảo các yêu cầu cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ được tốt.

Năm học 2013 – 2014 trường được công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ I; năm 2014 trường được công nhận kiểm định chất lượng Giáo dục cấp độ 3; năm học 2021-2022 nhà trường được công nhận lại trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Xanh-Sạch-Đẹp- An toàn. Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu trường tiên tiến của huyện. Đội ngũ CBGV, NV nhiệt tình yêu nghề, mến trẻ, phấn đấu hết mình cho sự nghiệp giáo dục và luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Trong các năm học nhà trường luôn thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua do cấp trên và ngành phát động. Chú trọng đổi mới phương pháp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc Giáo dục toàn diện trẻ ở trường Mầm non, đạt được mục tiêu Giáo dục theo quy định; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giáo viên có đủ các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu vị trí việc làm được phân công. Tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đạt chuẩn. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp, an toàn cho trẻ vui chơi, học tập và trải nghiệm, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay là lấy trẻ làm trung tâm, duy trì giữ vững các tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc gia

6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Toan

Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm Bình Thịnh, xã Đồng Thịnh, tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại: 0834176603

Địa chỉ thư điện tử: Toanhoangnam@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

Trường Mầm non Hoàng Nam có 1 hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng.

- Hiệu trưởng: Đồng chí Nguyễn Thị Toan

+ Ngày tháng năm sinh: 24/11/1973

+ Đã được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng lần thứ 1 vào ngày 13/01/2001, bổ nhiệm lại vào ngày 01/11/2020, thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị là 24 năm.

- Phó Hiệu trưởng 1: Đồng chí Trần Thị Phi

+ Ngày tháng năm sinh: 30/5/1973

+ Đã được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng lần thứ 1 vào ngày 01/01/2003, bổ nhiệm lại vào ngày 01/11/2020, thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị là 22 năm.

- Phó Hiệu trưởng 2: Đồng chí Trần Thị Thu Hà

+ Ngày tháng năm sinh: 15/9/1981

+ Đã được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng lần thứ 1 vào ngày 01/6/2007, bổ nhiệm lại vào ngày 01/11/2020, thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị là 18 năm.

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của Trường Mầm non Hoàng Nam năm 2025

- Ngân sách nhà nước: 6.097.383.000 đồng

b. Các khoản chi thường xuyên

- Tiền lương của CBGVNV (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho CBQL, GV, NV) 35 người.

Số tiền: 5.881.383.000 đ/1 năm

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua khen thưởng): không có

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học bao gồm: Học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo: Không

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Không

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không

III. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng CBQL, giáo viên và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên				13	21				30	4
I	Cán bộ quản lý	3			3					1	2
1	Hiệu trưởng	1			1						1
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1
II	Giáo viên	31			25	6			0	29	2
1	Nhà trẻ	8			8				0	7	1
2	Mẫu giáo	23			17	6				22	1
III	Nhân viên										
	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	1				1				0	0
1	Văn thư									0	0
2	Kế toán	1				1				0	0
3	Thủ quỹ	0			0					0	0
4	Thư viện				0					0	0
	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	12									
1	Y tế										
2	Nhân viên Bảo vệ	2									
3	Nhân viên Phục vụ	2									
4	Nhân viên Nấu ăn	8									

b) Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	TB	Kém
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	34	29	5		
I	Cán bộ quản lý	3	3			
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2			
II	Giáo viên	31	26	5		
1	Nhà trẻ	8	6	2		
2	Mẫu giáo	23	20	3		
	Tổng cộng	31				
	Tỷ lệ %		85.3%	14.7%		

c) Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV hoàn thành BDTX hàng năm

STT	Nội dung	Tổng số	Bồi dưỡng thường xuyên	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	34	34	0
I	Cán bộ quản lý	3	3	0
1	Hiệu trưởng	0	1	0
2	Phó hiệu trưởng	2	2	0
II	Giáo viên	31	31	0
1	Nhà trẻ	8	8	0
2	Mẫu giáo	23	23	0

2. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích xây dựng trường 8.436m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 trẻ em 18.29m²/trẻ

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ của trường	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (theo 2a Điều 5, chương II Thông tư 13)	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
18.29m ² /trẻ	12m ² /trẻ	Đạt

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Tên phòng	Hiện trạng	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	25 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	12-15m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng ¹	25 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	10-12m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
3	Văn phòng trưởng	42 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	30m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
4	Phòng cho nhân viên	16 m ² , có giường tầng, tủ để đồ cá nhân	16m ² , có giường tầng, tủ để đồ cá nhân	Đạt
5	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	100m ²	Có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	Đạt
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em			
1.1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	42,5m ² /Phòng		
	Khu sinh hoạt chung			
	Khu ngủ			

	Diện tích sân chơi (m ²)	0,6m ² /trẻ em	0,50m ²	Đạt
	Kho nhóm, lớp	6 m ²	6m ²	Đạt
2	Sân chơi riêng	2000m ² =4,3m ² /trẻ	1m ² /trẻ nhà trẻ 2m ² /trẻ MG	Đạt
III	Khối phòng tổ chức ăn			
1	Nhà bếp	120m ² =0,26m ² /trẻ	0,3m ² /trẻ	Chưa đạt
	Kho thực phẩm	12m ²	10-12m ² /kho	Đạt
IV	Khối phụ trợ			

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

Đồ dùng đồ chơi thiết bị dạy học tối thiểu của các khối lớp, các độ tuổi đảm bảo tỷ lệ, phục vụ cho các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, cụ thể:

- Khối MG 5 tuổi đã có 114/114 đạt tỷ lệ 100%; Thiếu 0/114, tỷ lệ 0%
- Khối MG 4 tuổi đã có 110/117 đạt tỷ lệ 94%; Thiếu 7/117, tỷ lệ 6,0%
- Khối MG 3 tuổi đã có 87/95 đạt tỷ lệ 91.6%; Thiếu 8/95, tỷ lệ 8.4%
- Khối NT 18-24 tháng đã có 58/62 đạt tỷ lệ 93.5%; Thiếu 4/62 tỷ lệ 6.5%
- Khối NT 24-36 tháng đã có 79/83 đạt tỷ lệ 95.2%; Thiếu 4/83 tỷ lệ 4.8%

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

- Thiết bị đồ dùng đồ chơi ngoài trời đủ số lượng theo quy định của Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT: Nhà trẻ có 10/12 bộ đồ chơi đạt tỷ lệ 83,4% so với quy định; Mẫu giáo có 16/22 bộ đồ chơi đạt tỷ lệ 72,7% so với quy định.
- Trang thiết bị đồ dùng phục vụ nuôi ăn bán trú của cả 2 bếp ăn đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng các điều kiện phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

3. Thông tin về kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá

Trường Mầm non Hoàng Nam tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

** Kết quả đánh giá và công nhận*

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 2065/QĐ-SGDĐT ngày 18/8/2022)

Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 1539/QĐ- UBND ngày 18/8/2022).

Nhà trường đạt chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn (Quyết định số 2066/QĐ-SGDĐT ngày 18/8/2022).

*** Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng năm 2025 -2026**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá năm học 2025 – 2026 (Kế hoạch số 131/KH-TMNHN ngày 13/10/2025)

4. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			18-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em						
1	Số trẻ em nhóm ghép						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	461	37	68	114	121	121
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	461	37	68	114	121	121
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	461	37	68	114	121	121
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	461	37	68	114	121	121
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em						
1	Số trẻ cân nặng bình thường	458	37	68	113	120	120
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm nhẹ cân	3	0	0	1	1	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	459	37	68	114	121	119
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp	2	0	0	0	0	2

	còi						
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0	0	0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	461	37	68	114	121	121
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	105	37	68			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	356			114	121	121

Trên đây là báo cáo công tác công khai theo Thông tư số 09/TT-BGDĐT của trường mầm non Hoàng Nam đầu năm học 2025-2026.

Nơi nhận:

BGH (để triển khai);
 Các tổ CM (để thực hiện);
 Lưu: CM, VT.



Nguyễn Thị Toan